

**TÒA ÁN NHÂN D
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 630/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2020

V/v: Ly hôn giữa anh Trần Văn B và chị Vũ
Thị D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN D THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản.

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Sáng – Kiểm sát viên.

Ngày 14-12-2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09-11-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm 1974; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị D, sinh năm 1974; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh B có mặt. Chị D vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 07-10-2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị D tự do tìm hiểu, đến ngày 18-12-1993 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố N. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không có sự hòa hợp về lối sống, bất đồng về tính cách, vợ chồng không có sự thông cảm chia sẻ khó khăn về kinh tế do đó thường xuyên cãi nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân không còn quan tâm đến nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Vũ Thị D.

- Về con chung: Anh Trần Văn B xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố N đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với chị Vũ Thị D theo quy định của pháp luật nhưng chị D không đến làm việc nên không có lời khai tại Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân và con chung của đương sự, đại diện chính quyền địa phương nơi anh B và chị D sinh sống và cư trú đã xác nhận: Anh Trần Văn B và chị Vũ Thị D đăng ký kết hôn tại UBND xã P và chung sống cùng gia đình anh B tại địa chỉ: Thôn Đ, xã P, thành phố N nhưng vợ chồng không có con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên thường xuyên cãi nhau, hiện nay hai bên đã sống ly thân. Nay anh B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị D, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xử lý hôn giữa anh Trần Văn B và chị Vũ Thị D.

Về con chung: Anh Trần Văn B và chị Vũ Thị D không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh Trần Văn B không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn B và chị Vũ Thị D tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên nảy sinh những bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không hòa hợp, không chia sẻ với nhau khó khăn về kinh tế. Mặc dù đã có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng do khác biệt nhau về lối sống và tính cách nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Điều đó chứng tỏ hôn nhân hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa anh Trần Văn B và chị Vũ Thị D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Trần Văn B và chị Vũ Thị D không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh Trần Văn B không yêu cầu, chị Vũ Thị D không có lời khai nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn B là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Trần Văn B và chị Vũ Thị D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn B phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai số 0003226 ngày 07-10-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

3. Quyền kháng cáo: Anh Trần Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. N;
- Chi cục THADS tp. N;
- UBND xã P, tp. N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng